

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2022, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 595/2020/TLST-DS ngày 31/12/2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: A Quốc lộ 13 cũ, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Dương Thanh M, sinh năm 1973

Địa chỉ: A Quốc lộ 13 cũ, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1984

Địa chỉ: A Quốc lộ 13 cũ, khu phố B, phường C thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Dương Thị Thanh M được quyền sử dụng, được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, cập nhật bổ sung theo quy định của pháp luật đối với phần đất chồng lấn có diện tích 2,3m<sup>2</sup> (có vị trí được đánh dấu số 11, 14 và 15 của Bản đồ hiện trạng vị trí-áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Thủ Đức lập ngày

01/3/2022) nằm trong thửa đất số 581 tờ bản đồ số 20 địa chỉ phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 156962, số vào sổ CH 006228 do ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 10/10/2016, đăng ký cập nhật ngày 04/5/2019 cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị B sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 156963, số vào sổ CH 006230 do ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 10/10/2016, đăng ký cập nhật ngày 08/11/2017 cho bà Dương Thị Thanh M.

- Ông Lê Văn H và bà Lê Thị B có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, cập nhật lại diện tích và ranh đất sau khi đã trừ đi phần diện tích đất 2,3m<sup>2</sup> (có vị trí được đánh dấu số 11, 14 và 15 của Bản đồ hiện trạng vị trí-áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Thủ Đức lập ngày 01/3/2022), đồng thời hỗ trợ bà Dương Thị Thanh M trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

- Dương Thị Thanh M có trách nhiệm trả cho Lê Văn H và bà Lê Thị B số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Việc giao tiền được thực hiện làm 02 lần, lần 01 trả số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng vào ngày 17/3/2022, lần 02 trả số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng còn lại hạn cuối vào ngày 10/9/2022. Nếu bà M vi phạm việc thỏa thuận trên về số tiền hay thời điểm trả tiền thì ông H, bà B có quyền yêu cầu thi hành toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng bà Dương Thanh M phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn H đã nộp 3.125.000 (Ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0058571 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Khắc Hưng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).